CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 Năm 2010

ĐVT: đồng

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | QUÝ 4 NĂM 2010 | QUÝ 4 NĂM 2009 | NĂM 2010 | NĂM 2009 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 169.786.577.819 | 60.303.117.100 | 338.102.929.576 | 243.340.882.938 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 331.363.637 | 3.090.000.000 | 1.226.727.365 | 8.953.363.638 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | VI.1 | 169.455.214.182 | 57.213.117.100 | 336.876.202.211 | 234.387.519.300 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 81.084.312.239 | 20.195.334.348 | 109.882.945.227 | 71.966.999.747 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 88.370.901.943 | 37.017.782.752 | 226.993.256.984 | 162.420.519.553 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 222.709.418.059 | 476.914.849 | 224.876.982.338 | 1.600.912.510 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | VI.4 | 123.548.813.176 | 8.583.863.103 | 145.370.616.499 | 29.593.377.812 |
| *- Trong đó : Chi phí lãi vay* | *23* | | *123.548.813.176* | 8.583.863.103 | *145.370.616.499* | *29.593.377.812* |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 11.522.682.804 | 4.215.985.447 | 29.608.846.825 | 17.547.067.969 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 4.641.556.051 | 2.718.197.423 | 12.060.052.695 | 7.588.223.444 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 171.367.267.971 | 21.976.651.628 | 264.830.723.303 | 109.292.762.838 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 75.063.092 | 671.208.706 | 317.837.854 | 2.790.177.797 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 29.996.913 | 36.272.790 | 167.428.084 | 145.337.657 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 45.066.179 | 634.935.916 | 150.409.770 | 2.644.840.140 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 171.412.334.150 | 22.611.587.544 | 264.981.133.073 | 111.937.602.978 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.14 | 40.445.464.857 | 2.503.370.972 | 56.113.116.224 | 10.726.265.348 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | | - | 3.575.769.895 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 130.966.869.293 | 20.108.216.573 | 208.868.016.849 | 97.635.567.735 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 2.388 | 367 | 3.809 | 1.780 |

*Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2011*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| | Trịnh Thanh Hùng | Đỗ Quang Ngôn |

S.Đ.K.K.D:3700805566-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT TX.THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | QUÝ 4 NĂM 2010 | QUÝ 4 NĂM 2009 | NĂM 2010 | NĂM 2009 |
|---|---|---|---|---|---|---|

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | QUÝ 4 NĂM 2010 | QUÝ 4 NĂM 2009 | NĂM 2010 | NĂM 2009 |
|---|---|---|---|---|---|---|